TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1088/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2023, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Phan Ái L, sinh năm 1981; địa chỉ: 334/51/4 đường N, Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1978; địa chỉ: Nhà không số, Tổ A(số cũ B) ấp D, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là bà Trần Phan Ái L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2003 ngày 25/8/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại quận Gò Vấp, sau đó chuyển về huyện Hóc Môn. Từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm về lối sống, trách nhiệm, công việc, học hành của các con. Vợ chồng sống ly thân bỏ mặc nhau khoảng 04 năm nay, bà cùng các con ở riêng tại quận Gò Vấp từ tháng 3/2023. Vì vậy, bà cương quyết xin ly hôn với ông K. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Ái N sinh ngày 01/12/2003 đã đủ 18 tuổi, và Nguyễn Ái N2 sinh ngày 09/5/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N2, yêu cầu ông K

cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Vợ chồng không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Bị đơn là ông Nguyễn Đăng K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Phan Ái L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng K, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ái N2, sinh ngày 09/5/2012, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, con chung là Nguyễn Ái N sinh ngày 01/12/2003 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này, xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Bà L, ông K chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà L trình bày mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra từ năm 2015, sống ly thân khoảng 04 năm nay, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ. Con chung sinh năm 2012 đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng có nguyện vọng ở với bà L, con chung sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà L trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Ông K vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Đăng K được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2003 ngày 25/8/2003 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, và trình bày của bà L, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu ly hôn:

Bà L trình bày vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc từ năm 2015, sống ly thân bỏ mặc nhau khoảng 04 năm nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nên cương quyết xin ly hôn.

Ông K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do là bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2023, đại diện Ban nhân dân ấp D, xã T, huyện Hóc Môn xác định không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông K, do trong quá trình sinh sống tại địa phương, bà L, ông K không trình báo.

Việc vợ chồng bà L, ông K xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân bỏ mặc nhau từ khoảng 04 năm nay nhưng không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung, nuôi con chung:

Bà L trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ái N sinh ngày 01/12/2003 đã đủ 18 tuổi, và Nguyễn Ái N2 sinh ngày 09/5/2012 là phù hợp với bản sao Giấy khai sinh số 13/2004/QH, quyển số 01/PTH ngày 16/02/204 của Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, và bản sao Giấy khai sinh số 183 quyển số 01/2012 ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh.

Bà L yêu cầu tiếp tục nuôi trẻ N2 sinh ngày 09/5/2012 là phù hợp với thực tế bà L đang trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của trẻ N2 tại bản tự khai ngày 18/7/2023, phù hợp với quy định tại Điều 81của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, giao trẻ N2 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Ái N sinh ngày 01/12/2003 đã đủ 18 tuổi.

[4.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ N2 mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con, với lý do bà yêu cầu cấp dưỡng để ông K thấy được trách nhiệm của người làm cha mẹ, trên thực tế bà không hy vọng ông K cấp

dưỡng nuôi con, nên bà để ông K tự quyết định việc chăm lo cho các con theo tinh thần tự nguyện, tự giác.

Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà L tự nguyện không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định:*"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Ông K không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[6] Về tài sản chung: Ghi nhận bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận bà L trình bày không có.

[8] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Trần Phan Ái L phải chịu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Phan Ái L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Phan Ái L được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2003 và Nguyễn Ái N2, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2012.

Giao cho bà Trần Phan Ái L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ái N2 sinh ngày 09 tháng 5 năm 2012; ghi nhận việc bà Trần Phan Ái L tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Đăng K cấp dưỡng nuôi con; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Đăng K cho đến khi có yêu cầu. Con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2003 đã đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Ghi nhận bà Trần Phan Ái L trình bày không có.

- Về tài sản chung: Ghi nhận bà Trần Phan Ái L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Phan Ái L phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016595 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Trần Phan Ái L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND Phường C, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.